

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-PT

Ngày: 07-5-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuần
2. Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLPT-DS ngày 15/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐ-PT ngày 03/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐ-PT ngày 18/3/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 275/TB-TA ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H; cùng địa chỉ: Thôn TA, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông N có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Tấn Q; địa chỉ: Số X đường Liên thôn, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Tấn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày có nội dung như sau:***

Vào ngày 10/02/2017, ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H có cho ông Ngô Tấn Q mượn số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) để giải quyết công việc và hứa sẽ thanh toán khi xong công việc, khi vay có lập Giấy mượn tiền và ông Q đã ký nhận nợ. Tuy nhiên khi quá thời hạn trả nợ, vợ chồng ông N, bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Q không chịu trả tiền. Do đó ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Tấn Q phải có trách nhiệm trả nợ với tổng số tiền là 312.000.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 240.000.000 đồng và lãi suất (30 tháng tính từ ngày vay mượn) là 72.000.000 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Tấn Q trình bày có nội dung như sau:***

Vào ngày 10/02/2017, giữa ông Ngô Tấn Q và vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Trần Thị H có thỏa thuận về việc vợ chồng ông N, bà H nhờ ông Q giúp đỡ bà H thực hiện công việc riêng, với nội dung: Vợ chồng ông N, bà H giao cho ông Q số tiền 240.000.000 đồng để thực hiện công việc; nếu công việc hoàn thành thì ông Q không phải trả lại tiền và ông Q chỉ phải trả lại tiền nếu như không hoàn thành công việc theo thỏa thuận. Hiện nay ông Q đã hoàn thành công việc theo thỏa thuận nên ông Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Vì lý do công việc mà các bên thỏa thuận là riêng tư nên ông Q không thể trình bày cụ thể và cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Ông Q đề nghị Tòa án tạo điều kiện để các bên cùng hòa giải, thương lượng giải quyết vụ việc. Do số tiền ông Q nhận của ông N, bà H không phải tiền vay nên ông Q không đồng ý với yêu cầu đòi cả số tiền 240.000.000 đồng và lãi suất mà ông N, bà H đã khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức N, bà Trần Thị H.

Buộc ông Ngô Tấn Q phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Ngô Tấn Q phải trả 72.000.000 đồng tiền lãi suất.

Về án phí:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.600.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002332 ngày 03/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng.

- Bị đơn ông Ngô Tấn Q phải chịu 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019, bị đơn Ngô Tấn Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc ông Q phải trả cho ông N, bà H số tiền 240.000.000 đồng là không đúng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến xác định: Đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Ngô Tấn Q phải trả số nợ gốc 240.000.000 đồng, thì nay phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn ông Ngô Tấn Q phải trả số tiền 120.000.000 đồng cho nguyên đơn và đồng ý thỏa thuận với bị đơn về phương án trả tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ngô Tấn Q thay đổi về yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và đồng ý sẽ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức N, bà Trần Thị H số tiền là 120.000.000 đồng, theo phương án trả dần như sau: Ngày 07/5/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 10/6/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 10/7/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 10/8/2020 trả 20.000.000 đồng và ngày 10/9/2020 trả 20.000.000 đồng. Ông Q đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông với phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận như sau:

- Ông Ngô Tấn Q còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Đức N, bà Trần Thị H số tiền là 120.000.000 đồng và có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H số tiền là 120.000.000 đồng, theo phương thức trả dần, cụ thể như sau: Ngày 07/5/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 10/6/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 10/7/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 10/8/2020 trả 20.000.000 đồng và ngày 10/9/2020 trả 20.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn ông Ngô Tấn Q chấp nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng theo phương án trả dần. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Tấn Q và sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của bị đơn ông Ngô Tấn Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, giữa nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H với bị đơn là ông Ngô Tấn Q đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Ông Ngô Tấn Q có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H số tiền là 120.000.000 đồng, theo phương thức trả dần, cụ thể như sau: Ngày 07/5/2020 trả 50.000.000 đồng; ngày 10/6/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 10/7/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 10/8/2020 trả 20.000.000 đồng và ngày 10/9/2020 trả 20.000.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự như trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau, nên án phí dân sự sơ thẩm mà ông Ngô Tấn Q phải chịu được tính toán lại như sau: Bị đơn ông Ngô Tấn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là: 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng.

Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi suất không được chấp nhận theo quyết định của bản án sơ thẩm, số tiền án phí phải chịu là 3.600.000 đồng.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là ông Ngô Tấn Q phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Tấn Q, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Ông Ngô Tấn Q có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), theo phương thức trả dần, cụ thể như sau: Ngày 07/5/2020 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); ngày 10/6/2020 trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); ngày 10/7/2020 trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); ngày 10/8/2020 trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và ngày 10/9/2020 trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Ngô Tấn Q phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0002332 ngày 03/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk

Lắc. Sau khi khấu trừ ông Nguyễn Đức N và bà Trần Thị H được nhận lại số tiền 4.200.000 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Ngô Tấn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do bà Đặng Hồng N nộp thay), theo biên lai thu số AA/2019/0005485 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp.B;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

(Đã ký)

Trương Công Bình